

DANH MỤC CÁC ĐIỂM ĐẦU NỐI VÀO QL.37, ĐOẠN QUA ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định: Số /UBND-ĐTĐD ngày / /2024 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

TT	Vị trí			Kiểu nút giao	Khoảng cách		Nút giao hiện có	Nút giao mới	Hiện trạng đường nhánh		Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						QĐ phê duyệt (dự án, quy hoạch, công trình) hoặc VB chấp thuận đầu nối	Tên đường đầu nối	Ghi chú	
	Lý trình	Bên trái	Bên phải		Bên trái (m)	Bên phải (m)			B mặt (m)	KCMD	Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao		Xây dựng làn tăng giảm tốc				
											Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Thông thoáng	Bán kính nút giao (m)				Đã bố trí
HUYỆN SON DƯƠNG																				
Phạm vi khu vực ngoài nội thành, nội thị (Km172+800 - Km180+500) đường cấp IV miền núi, không có giải phân cách giữa																				
1	Km176+850	x		Ngã ba			x		3,5	Láng nhựa				x		x		VB số 2192/BGTVT-KCHT ngày 10/4/2009 của Bộ GTVT	Đường đi Kháng Nhật (ĐH.16 huyện Sơn Dương)	
2	Km177+950	x		Ngã ba	1.100		x		20	BTXM				x		x			Đường vào Cửa hàng xăng dầu thôn Cầu Tráng, Hợp Thành	
3	Km180+750		x	Ngã ba			x		6	BTXM				x		x		VB số 2192/BGTVT-KCHT ngày 10/4/2009 của Bộ GTVT	Đường vào Điểm công nghiệp Mãng Ngọt Sơn Dương	
Tổng		2	1	3	1	0	3	0												
Phạm vi trong khu vực trong nội thành, nội thị (Km180+500 - Km188+200) đường không có giải phân cách giữa (lấy theo loại đường phân khu vực và đường khu vực)																				
4	Km181+900	x		Ngã ba	3.950		x		5	BTXM				x		x			Đường vào Trại cá - Sơn Dương	
5	Km182+220	x		Ngã tư	320		x		15	BTXM				x		x			Bên trái đường vào cửa hàng xăng dầu Thanh Ba	
6			x			1.470		x		6	BTXM				x		x			Bên phải đường vào Xí nghiệp thăm dò khai thác khoáng sản 109
7	Km182+750		x	Ngã ba		530	x			Láng nhựa				x		x			Đường ĐT.185	
8	Km183+210		x	Ngã ba		460		x											Đường tránh Sơn Dương	
9	Km183+300	x		Ngã ba	1.080		x		15	BTXM				x		x			Bên trái đường vào cửa hàng xăng dầu Kỳ Lâm	
10	Km183+740		x	Ngã ba		530	x		6	BTXM				x		x			Đường vào Lâm trường Sơn Dương	
11	Km184+080	x		Ngã ba	780		x		10	BTXM				x		x			Đường vào UBND huyện Sơn Dương (ĐĐT.04)	
12	Km184+400		x	Ngã ba		660		x	5	BTXM				x		x		QĐ số 653/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND huyện Sơn Dương	Đường vào khu nhà ở Sơn Đông	
13	Km184+520	x		Ngã ba	440		x			BTN	x					x			Đường nội thị 13B (ĐĐT.01)	
14	Km185+870		x	Ngã ba		1.470		x	6	BTXM				x		x		QĐ số 4414/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tổ dân phố Tân Phú, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	Đường liên thôn Tân Phú (Quy hoạch đường vào khu dân cư Tân Phú)	
15	Km186+070		x	Ngã ba		200		x	25	BTXM				x		x			Đường vào Cửa hàng xăng dầu Sơn Dương	
16	Km186+240	x		Ngã ba	2.160		x		8	BTXM				x		x			Đường vào Khu dân cư Đoàn Kết	
17	Km186+700	x		Ngã tư	460		x		6	BTXM				x		x			Bên trái đường vào Mô Bắc Lũng	

TT	Vị trí			Kiểu nút giao	Khoảng cách		Nút giao hiện có	Nút giao mới	Hiện trạng đường nhánh		Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						QĐ phê duyệt (dự án, quy hoạch, công trình) hoặc VB chấp thuận đầu nối	Tên đường đầu nối	Ghi chú				
	Lý trình	Bên trái	Bên phải		Bên trái (m)	Bên phải (m)			B mặt (m)	KCMD	Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao						Xây dựng làn tăng giảm tốc			
											Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Thông thoáng	Bán kính nút giao (m)				Đã bố trí	Chưa bố trí		
18	Km187+700		x	Ngã tư		630	x		6	BTXM			x		x	15		x		Bên phải đi vào thôn Đoàn Kết			
19	Km187+050	x		Ngã ba	350		x		15	BTXM				x		x	15		x		Đường vào Cây xăng dầu Tân Hoà và đường vào Trung tâm đào tạo lái xe Mô tô hạng A1		
20	Km187+300	x		Ngã ba	250		x		6	BTXM				x		x	20		x		Đường vào Khu dân cư thôn Tân Hòa, xã Phúc Ứng		
21	Km187+450	x		Ngã ba	150			x													Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt QHCT xây dựng khu dân cư mới tại xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	Khu dân cư mới xã Phúc Ứng	
22	Km187+580		x	Ngã ba		880	x		15	BTXM				x		x	15		x		Đường vào Công ty giấy da Chung Jye		
23	Km187+800		x	Ngã ba		220	x		30	BTN				x		x	25		x		Đường vào Cửa hàng xăng dầu Hải Ngọc (Công ty Hải Ngọc)		
24	Km188+130		x	Ngã ba				x														Đường tránh Sơn Dương	
Tổng		10	11	19	10	10	17	4															
Phạm vi khu vực ngoài nội thành, nội thị (Km188+200 - Km209+00) đường cấp IV miễn nút không có giải phân cách giữa																							
25	Km189+780		x	Ngã ba		1.650	x		8	BTXM			x		x	20		x				Đường vào mỏ đá 06 (Đường huyện ĐH.07)	
26	Km190+110	x		Ngã ba	2.660		x		6	BTXM				x		x	25		x		VB số 2192/BGTVT-KCHT ngày 10/4/2009 của Bộ GTVT	Đường vào Tân Sơn, Tân Tiến xã Tú Thịnh	
27	Km190+800		x	Ngã ba		1.020	x		6	BTXM				x		x	20		x		VB số 2192/BGTVT-KCHT ngày 10/4/2009 của Bộ GTVT	Khu Dân cư thôn ngãi thắng, xã Tú Thịnh	
28	Km191+600	x		Ngã ba	1.490		x		20	BTXM				x		x	20		x		VB số 2192/BGTVT-KCHT ngày 10/4/2009 của Bộ GTVT	Đường vào Cửa hàng xăng dầu Thượng Âm	
29	Km192+450	x		Ngã ba	850		x			Láng nhựa				x		x	30		x		VB số 2192/BGTVT-KCHT ngày 10/4/2009 của Bộ GTVT	Đường tỉnh lộ ĐT.186; Cửa hàng xăng dầu Thượng Âm	
30	Km192+670	x		Ngã ba	220		x		7	BTN				x		x	45		x		VB số 2192/BGTVT-KCHT ngày 10/4/2009 của Bộ GTVT	Giao với đường tỉnh lộ ĐT.186 (đi Sơn Nam - An Hoà)	
31	Km195+550		x	Ngã ba		4.750	x		60	BTXM				x		x	20		x			Đường vào Cửa hàng xăng dầu	

TT	Vị trí			Kiểu nút giao	Khoảng cách		Nút giao hiện có	Nút giao mới	Hiện trạng đường nhánh		Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						QĐ phê duyệt (dự án, quy hoạch, công trình) hoặc VB chấp thuận đầu nối	Tên đường đầu nối	Ghi chú			
	Lý trình	Bên trái	Bên phải		Bên trái (m)	Bên phải (m)			B mặt (m)	KCMD	Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao						Xây dựng làn tăng giảm tốc		
											Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Thông thoáng	Bán kính nút giao (m)				Đã bố trí	Chưa bố trí	
32	Km197+295	x		Ngã ba	4.625		x		3,5	Láng nhựa				x		15		x	VB số 2192/BGTVT-KCHT ngày 10/4/2009 của Bộ GTVT	Đường vào Trại tạm giam K3 (đường huyện ĐH.11), huyện Sơn Dương		
HUYỆN YÊN SƠN																						
Phạm vi khu vực ngoài nội thành, nội thị (Km199+750 - Km209+800) đường cấp IV miền núi không có giải phân cách giữa																						
33	Km199+750		x	Ngã ba		4.200	x		3,5	Láng nhựa			x		x	20		x	VB số 2192/BGTVT-KCHT ngày 10/4/2009 của Bộ GTVT	Đường vào UBND xã Tiến Bộ (đường huyện Yên Sơn ĐH.11)		
34	Km201+900	x		Ngã ba	4.605		x		70	BTXM			x		x	20		x		Đường vào Cửa hàng xăng dầu Thái Bình		
35	Km202+250		x	Ngã ba		2.500	x		5	BTXM			x		x	20		x		Đường vào di tích bộ canh nông, ĐH.02		
36	Km204+400	x		Ngã ba	2.500		x		5	BTXM			x		x	25		x		Đường xuống bến thủy nội địa		
37	Km206+500	x		Ngã ba	2.100		x		5	BTXM			x		x	25		x		Đường xuống bến thủy nội địa		
38	Km207+110		x	Ngã ba		4.860		x	10	cấp phối			x		x	20		x		Đường vào mô đá vôi Việt Tiến		
39	Km208+405	x		Ngã ba	1.905		x		5	Láng nhựa			x		x	15		x	VB số 2192/BGTVT-KCHT ngày 10/4/2009 của Bộ GTVT	Đường vào Nhà máy BaRit		
40		x			585		x		11	BTN			x		x	45	x			Đường dọc sông Lô		
41	Km208+990		x	Ngã tư		1.880		x											VB số 2192/BGTVT-KCHT ngày 10/4/2009 của Bộ GTVT	Quy hoạch đường vào Cửa hàng xăng dầu thôn Chanh 1, Thái Bình		
Tổng		10	7	16			15	2														
THÀNH PHỐ TUYẾN QUANG																						
Phạm vi khu vực trong nội thành, nội thị (Km209+800 - Km232+600) đường đô thị không có giải phân cách giữa (lấy theo loại đường phân khu vực và đường khu vực)																						
42	Km210+100		x	Ngã ba			x		5	BTXM			x		x			x			Đường vào núi Dùm (ĐĐT.115)	
43	Km210+585	x		Ngã ba			x		17,5	BTN			x		x	125	x				Đường dẫn cầu Tình Húc	
44	Km210+900	x		Ngã ba	315		x		5	BTXM			x		x	45		x			Đường vào Khu tiểu thủ Công nghiệp vừa và nhỏ	
45	Km210+970		x	Ngã ba		870	x		5	BTXM			x		x	35		x			Đường vào Khu tiểu thủ Công nghiệp vừa và nhỏ	
46	Km211+150	x		Ngã tư	250		x		50	BTXM			x		x	30		x	VB số 2192/BGTVT-KCHT ngày 10/4/2009 của Bộ GTVT	Đường vào Cửa hàng xăng dầu Nông Tiến QL.37; Đường vào trường nội trú (ĐĐT.111)		
47			x			180	x		7	BTN			x		x	25		x			Đường đi bến phà Nông Tiến cũ (ĐĐT.114)	
48	Km211+490	x		Ngã ba	340					BTN											ĐĐT.109 (đường vào trường cấp I,II Nông Tiến)	
49	Km211+770	x		Ngã tư	280		x		7	BTN			x		x	30		x				
50			x			620	x		7	BTN			x		x	30		x			Đường Bình Ca	
51	Km212+600	x		Ngã tư	830		x		20	BTN			x		x	25		x			Bên trái đường Bình Thuận; Khách sạn Mường Thanh	
52			x			830	x		20	BTN			x		x	25		x			Bên phải đường Bình Thuận	
53	Km212+750	x		Ngã tư	150		x		6	Láng nhựa			x		x	25		x			Đường Đình Tiên Hoàng	
54	Km213+040		x	Ngã ba		440	x		5,5	BTXM			x		x	25		x			Đường Phố Hồ Xuân Hương	
55	Km213+280		x	Ngã ba		240	x		3	BTXM			x		x	25		x			Đường Phố Trần Nhật Duật	
56	Km213+350	x		Ngã ba	600		x		10	BTN			x		x	25		x			Đường Hà Huy Tập	
57	Km213+525	x		Ngã tư	175		x		7	BTXM			x		x	15		x			Trung tâm hội nghị tỉnh	
58			x			245	x		20	BTN			x		x	25		x			Bên phải Đường 17/8	
59	Km213+675	x		Ngã ba	150		x		7	BTN			x		x	25		x			đường Phan Thiết	

TT	Vị trí			Kiểu nút giao	Khoảng cách		Nút giao hiện có	Nút giao mới	Hiện trạng đường nhánh		Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						QĐ phê duyệt (dự án, quy hoạch, công trình) hoặc VB chấp thuận đầu nối	Tên đường đầu nối	Ghi chú		
											Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao		Xây dựng làn tăng giảm tốc					
	Lý trình	Bên trái	Bên phải		Bên trái (m)	Bên phải (m)			B mặt (m)	KCMD	Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Thông thoáng	Bán kính nút giao (m)				Đã bố trí	Chưa bố trí
60	Km213+820		x	Ngã ba		295	x		7	Láng nhựa	x				x	10		x		Giao với đường giao đường Lê Duẩn	
61	Km214+020	x		Ngã tư	345		x		3,5	Láng nhựa			x		x	20		x		Giao với đường phố Trần Nhân Tông	
62			x			200	x		3,5	Láng nhựa			x		x	20		x			
63	Km214+320		x	Ngã ba		300	x		8	BTN	x				x	18		x		Đường vào đường phố Tôn Thất Tùng	
64	Km214+500		x	ngã tư		180	x			BTN	x			x		37,00			Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án xây dựng đường trục phát triển đô thị từ trung tâm thành phố Tuyên Quang đi huyện lỵ Yên Sơn	Giao với Đường trục phát triển đô thị từ trung tâm thành phố Tuyên Quang đi huyện lỵ Yên Sơn	
65	Km214+720		x	Ngã ba		220	x		5	BTN			x		x	20		x		Giao với đường Nam Cao	
66	Km214+940		x	Ngã ba		220	x		10	BTN			x		x	20		x		Giao với đường Phố Hà Tuyên	
67	Km215+000	x		Ngã ba	980		x		7	BTN			x		x	20		x		Giao với đường Phố Hồng Thái	
68	Km215+160	x		Ngã tư	160		x		5	Láng nhựa			x		x	20		x		Bên phải đường Phan Thiết	
69			x			220	x		8	BTN			x		x	20		x		Bên trái đường Phan Thiết	
70	Km215+400	x		Ngã tư	240		x		3,5	Láng nhựa			x		x	20		x		Bên trái đường Phố Song Hào	
71			x			240	x		3,5	BTN			x		x	20		x		Bên phải đường Phố Song Hào	
72	Km215+800	x		Ngã tư	400		x		7	BTN			x		x	20		x		Bên trái đường Đinh Tiên Hoàng	
73			x			400	x		7	BTN			x		x	20		x		Bên phải đường Đinh Tiên Hoàng	
74	Km216+015	x		Ngã tư	215		x		3,5	Láng nhựa			x		x	20		x		Bên trái đường phố Mạc Đĩnh Chi	
75			x			215	x		3,5	BTN			x		x	20		x		Bên phải đường phố Mạc Đĩnh Chi	
76	Km216+200	x		Ngã ba	185		x		10	BTN			x		x	20		x		Giao với đường Phố Đức Nghĩa	
77	Km216+300		x	Ngã tam		285	x		12	BTN			x		x	40	x			Giao với đường Bình Thuận	
Phạm vi khu vực trong nội thành, nội thị (Km216+300 - Km220+070) đường đô thị có giải phân cách giữa (lấy theo loại đường phân khu vực và đường khu vực)																					
78	Km216+380	x		Ngã tư	180		x		3,5	Láng nhựa			x		x	20		x		Bên trái đường phố Lý Nam Đế	
79	Km216+450		x	Ngã ba		150	x		5	BTN			x		x	20		x		Bên phải đường phố Trần Phú	
80	Km216+600	x		Ngã tư	220		x		11	BTN			x		x	20		x		Bên trái đường phố Lý Thái Tổ	
81				x		150														Bên phải đi đường Phạm Văn Đồng	
82	Km217+780		x	Ngã ba		1.180	x		8	BTXM			x		x	20		x		Đường vào Công ty TNHH Nhung Hồng	
83	Km217+980		x	Ngã ba		200		x	10,5	BTXM			x		x	20		x		Đường vào dự án showroom ô tô	
84	Km218+130		x	Ngã ba		150		x	10	BTXM			x		x	20		x	Quyết định 191/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Showroom xe ô tô, xưởng dịch vụ, siêu thị điện máy, siêu thị bách hóa tổng hợp	Đường vào Công ty ô tô Tấn Long (quy hoạch)	
85	Km218+280		x	Ngã ba		150		x												Đường vào KĐT Đông Sơn	
86	Km218+410	x		Ngã tư	1.810		x		5	BTXM			x		x	20		x		Phố Tôn Đức Thắng	
87				x		280	x		5	BTN			x		x	20		x		Bên phải đường vào Ngọc Kim (104)	
88	Km218+700	x		Ngã ba		290		x												Đường vào dự án khu dịch vụ đô thị Tuyên Quang Xanh	

TT	Vị trí			Kiểu nút giao	Khoảng cách		Nút giao hiện có	Nút giao mới	Hiện trạng đường nhánh		Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						QĐ phê duyệt (dự án, quy hoạch, công trình) hoặc VB chấp thuận đầu nối	Tên đường đầu nối	Ghi chú			
	Lý trình	Bên trái	Bên phải		Bên trái (m)	Bên phải (m)			B mặt (m)	KCMD	Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao						Xây dựng làn tăng giảm tốc		
											Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Thông thoáng	Bán kính nút giao (m)				Đã bố trí	Chưa bố trí	
89	Km218+750		x	Ngã ba		340	x		15	BTXM			x		x	20			Cửa hàng xăng dầu Công ty cổ phần đầu tư thương mại CTH			
90	Km219+000	x		Ngã tư	300		x		7	BTXM									Đường đi UBND phường Hưng Thành; Cửa hàng xăng dầu Hưng thành			
91			x			250		x		10	BTXM									Huyndai Tuyên Quang		
92	Km219+150	x		Ngã ba	150			x											Đường vào khu liên hợp thể thao tỉnh Tuyên Quang (quy hoạch)			
93	Km219+204		x	Ngã ba		204		x											Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây	Đường vào khu nhà ở Hưng Thành (quy hoạch)		
94	Km219+450		x	Ngã ba		246		x											Đường vào khu nhà ở Hưng Thành (quy hoạch)			
95	Km220+100	x		Ngã tư	950		x		7	BTN			x		x	20			Giao với đường Phố Lê Đại Hành (ĐĐT.99)			
96			x			650		x		5	BTXM			x		x	15			Giao với đường ĐĐT.102		
Phạm vi khu vực trong nội thành, nội thị (Km220+070 - Km232+00) đường đô thị không có giải phân cách giữa (lấy theo loại đường phân khu vực và đường khu vực)																						
97	Km221+750	x		Ngã ba	1.650		x		3,5	Láng nhựa			x		x	45				DH.14, huyện Yên Sơn		
98				x	Ngã ba		1.650		x	3,5	BTXM			x		x	35				Đường vào UBND xã Kim Phú (ĐĐT.147)	
99	Km221+900		x	Ngã ba		150														Cửa hàng xăng dầu xã Kim Phú		
100	Km222+500	x		Ngã ba	750			x	3	BTXM			x		x	30				Quy hoạch đường vào cửa hàng xăng dầu Hoàng Khai (Xóm Từ Lưu 1)		
101	Km222+940	x		Ngã ba	440		x		3,5	Láng nhựa			x		x	20				Giao nhau QL.37 cũ (ĐH.14, Yên Sơn)		
102	Km223+200	x		Ngã ba	260			x	3	BTXM			x		x	20				Giao với đường vào khu dân cư sinh thái Phú Mỹ Hưng (quy hoạch)		
103	Km223+600		x	Ngã ba		1.850		x	3											Nghị Quyết số 60-NQ-HĐND ngày 28/9/2021 của HĐND thành phố Tuyên Quang Quyết định chủ trương đầu tư dự án: xây dựng hạ tầng khu dân cư xóm 14, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang	Giao với đường vào Khu dân cư xóm 14, xã Kim Phú	
104	Km224+500		x	Ngã ba		900				Láng nhựa			x		x	20				Giao nhau ĐĐT.149		
105	Km224+550	x		Ngã ba	1.350		x		3	Láng nhựa			x		x	20				Giao nhau QL.37 cũ (ĐH.05, Yên Sơn)		
106	Km224+700		x	Ngã ba		200		x												Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Quy hoạch, xây dựng khu dân cư - tái định cư xóm 16, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang	KDC xóm 16 xã Kim Phú	
107	Km225+500	x		Ngã ba	950		x		3	Láng nhựa			x		x	20				Giao nhau QL.37 cũ		
108	Km225+690	x		Ngã ba	190			x												Giao với đường Suối khoáng - QL.2D		
109	Km226+000	x		Ngã ba	310			x	3	BTXM			x		x	20				Đường vào UBND phường Mỹ Lâm mới		

DANH MỤC CÁC ĐIỂM ĐÁU NỐI VÀO QL.37, ĐỊA PHẬN TỈNH TUYẾN QUANG HIỆN HỮU HOẶC QUY HOẠCH CHƯA ĐẢM BẢO YÊU CẦU ĐÁU NỐI THEO QUY ĐỊNH

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-SGTVT ngày / /2024 của Sở Giao thông vận tải)

TT	Vị trí			Kiểu nút giao	Nút giao hiện có	Nút giao mới	Hiện trạng đường nhánh		Yếu tố kỹ thuật nút giao đấu nối vào quốc lộ						QĐ phê duyệt (dự án, quy hoạch, công trình) hoặc VB chấp thuận đấu nối	Tên đường đấu nối	Ghi chú		
	Lý trình	Bên trái	Bên phải				B mặt (m)	KCMD	Vị trí đấu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao						Xây dựng làn tăng giảm tốc	
									Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Thông thoáng	Bán kính nút giao (m)				Đã bố trí	Chưa bố trí
A. HUYỆN SON DƯƠNG																			
III. Phạm vi khu vực ngoài nội thành, nội thị (Km188+000 - Km209+00) đường cấp IV miền núi không có giải phân cách giữa																			
1	Km190+200		x	Ngã ba	x		15	BTXM			x		x	15		x	Đường vào cây xăng của Công ty CP tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex	Vị trí này nằm trong phạm vi khu vực ngoài nội thành nội thị không đảm bảo khoảng cách với điểm liền kề trước là đường huyện ĐH.07 của huyện Sơn Dương	
2	Km197+670	x		Ngã ba	x		3,5	Láng nhựa			x		x	15		x	Đường huyện ĐH.01 đi Bình Ca	Vị trí này nằm trong phạm vi khu vực ngoài nội thành nội thị không đảm bảo khoảng cách với điểm liền kề trước là đường vào Trại tạm giam K3 (đường huyện ĐH.11), huyện Sơn Dương	
Tổng		0	1	1	1	0													

Các điểm đấu nối trong danh mục này chưa đảm bảo yêu cầu đấu nối theo quy định, UBND tỉnh sẽ xem xét quyết định sau khi có ý kiến của Bộ GTVT theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ